

Bản án số: 152/2025/DS-ST
Ngày 13-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm Đơ.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Ấp TANA, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Anh Trần Vũ T, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Ấp HH, xã THT, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp CDN, xã NVK, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Bùi Mỹ Q, sinh năm 2001; địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TP, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Người được ủy quyền lại: Chị Huỳnh Yến D, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: Ấp TANA, xã TAKĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp TTB, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Yến D trình bày: Khoảng năm 2011, ông S có giao dịch mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm công nghiệp với bà B, không thỏa thuận bằng văn bản và tiền huê hồng. Đến ngày 02/5/2016 hai bên đối chiếu công nợ bà B còn nợ

ông Sáng 214.240.000đ. Tại đơn khởi kiện, ông S yêu cầu bà B trả tổng số tiền 403.143.263đ (bao gồm tiền nợ gốc 214.240.000đ và tiền lãi 188.903.263đ). Tại phiên Tòa, phía nguyên đơn yêu cầu bà B trả số tiền nợ 214.240.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Bà Phạm Thị B trình bày: Trước đây, bà có mua thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm công nghiệp từ ông Sáng và thừa nhận có ký vào giấy nhận nợ ngày 02/5/2016. Thời điểm ký giấy nhận nợ, ông Sáng có nói ký vào giấy gửi về công ty sau đó sẽ trả tiền huê hồng cho bà. Bà không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của ông S vì số tiền ông S yêu cầu chưa trừ tiền huê hồng theo thỏa thuận hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, ông S yêu cầu bà B trả số tiền nợ gốc 214.240.000đ và tiền lãi 188.903.263đ. Tại phiên Tòa, phía nguyên đơn yêu cầu bà B trả số tiền nợ 214.240.000đ, không yêu cầu trả lãi. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Theo lời trình bày của nguyên bị đơn, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ông S và bà B có giao dịch mua bán thức ăn, thuốc thủy sản nuôi tôm công nghiệp, đến ngày 02/5/2006 hai bên đối chiếu công nợ thể hiện bà B còn nợ ông S 214.240.000đ. Theo bà B xác định khi ký giấy nhận nợ ông S có nói sẽ trừ tiền huê hồng sau cho bà nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận. Tại phiên Tòa, bà B không đưa ra được chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận trừ tiền huê hồng vào số tiền nợ ngày 02/5/2025 và theo hồ sơ không thể hiện hai bên có thỏa thuận ông S trả tiền huê hồng cho bà B. Trong khi đó, theo giấy nhận nợ ngày 02/5/2016 bà B thừa nhận có nợ ông S 214.240.000đ, không có thỏa thuận trừ tiền huê hồng theo như bà B trình bày.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc bà B trả cho ông S số tiền 214.240.000đ.

[6] Về án phí dân sự: Ông S không phải chịu do yêu cầu khởi kiện của ông được chấp nhận. Bà B phải chịu $214.240.000đ \times 5\% = 1.800.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Buộc bà Phạm Thị B trả cho ông Phạm Văn S số tiền 214.240.000đ (hai trăm mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn S không phải chịu. Bà Phạm Thị B phải chịu 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng